TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DL** TỈNH LD	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DL - TỈNH LD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Mỹ H

+ Ông Nguyễn Văn Mạc Vũ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố DL, tỉnh LD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố DL - tỉnh LD tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố DL, tỉnh LD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST - HS ngày 15/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A,** sinh năm: 1996, tại: H N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 11, thôn Thận Y, xã Yên Nam, thị xã DT, Tỉnh H N; nơi cư trú: Hẻm 33/20/3 Nguyễn Công Trứ, Phường H, Thành phố DL, Tỉnh LD; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1963 và bà: Vũ Thị H, sinh năm: 1962; vợ: Đỗ Thị Minh Th, sinh năm: 1996; có 01 con, sinh năm: 2021; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 23/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố DL.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Hồng Nh, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số 40 đường Đặng Thái Thân, Phường B, Thành phố DL, Tỉnh LD.

2. Chị Trần Thị Hoài Tr, sinh năm: 1991; địa chỉ: Hẻm 27 đường Lê Hồng Phong, Phường C, Thành phố DL, Tỉnh LD.

3. Chị Trần Thị Mai Ph, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 16 đường Yersin Phường K, Thành phố DL, Tỉnh LD.

4. Chị Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ 1, xã T H, Thành phố DL, Tỉnh LD.

5. Bà Nguyễn Trần Vi V, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số 23 đường Ba Tháng Tư, Phường B, Thành phố DL, Tỉnh LD.

6. Chị Đỗ Ngọc Th Th, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 142Bis đường Trần Quang Khải, Phường H, Thành phố DL, Tỉnh LD.

7. Chị Trương Thị Kh, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 15/7 đường Ba Tháng Tư, Phường B, Thành phố DL, Tỉnh LD.

8. Bà Trần Thị Yến H, sinh năm: 1959; địa chỉ: Thôn Lạc Bình, xã Lạc Xuân, huyện DD, Tỉnh LD.

(Các bị cáo có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2023, Nguyễn Tuấn A từ H N vào sinh sống tại hẻm 33/20/3 Nguyễn Công Trứ, Phường H, thành phố DL, LD. Sau khi vào DL, Tuấn A hoạt động cho người khác vay tiền để lấy lãi, hình thức trả góp cả gốc và lãi hàng ngày, số tiền trả mỗi ngày do Tuấn A ấn định, thời gian là 18 ngày, 21 ngày hoặc 25 ngày; Tuấn A sẽ thu phí dịch vụ, lấy trước tiền trả góp của 02 ngày (ngày đầu và ngày cuối của thời gian trả).

Để thực hiện hoạt động cho vay, Tuấn A thuê người tạo trang Facebook rồi đăng tải thông tin liên quan đến việc cho vay (như: hình thức vay, số điện thoại của Tuấn A...). Khi người vay có nhu cầu sẽ liên hệ trực tiếp qua số điện thoại hoặc mạng xã hội Zalo, sau đó sẽ gặp trực tiếp để xem xét khả năng kinh tế, điều kiện đảm bảo của người vay, thỏa thuận về hình thức, số tiền vay, lãi suất... Sau khi thống nhất thì Tuấn A sẽ đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản, khi người vay trả tiền cho Tuấn A thì cũng đưa trực tiếp hoặc chuyển khoản Ng hàng.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Tuấn A đã cho 08 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Phạm Hồng Nh, sinh năm 1984, HKTT: 1/7 Lữ gia, Phường 9, thành phố DL; tạm trú: 40 Đặng Thái Thân, Phường B, thành phố DL, tỉnh LD vay 03 lần:

- *Lần 1:* Vào ngày 09/01/2023, Tuấn A cho chị Nh vay 20.000.000đ, trả góp 1.200.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày (trong đó tiền lãi 247.619 đồng, tiền gốc 952.381 đồng), thời gian trả 21 ngày, lãi suất 452%/năm, phí dịch vụ là 2.000.000 đồng, chị Nh đã trả được 16 ngày với số tiền 19.200.000 đồng, còn nợ lại 05 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 6.969.863 đồng.

- *Lần 2:* Vào ngày 04/02/2023, Tuấn A cho chị Nh vay 50.000.000đ trả góp 2.500.000đ/ngày, thời gian trả 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu tiền phí dịch vụ 3.000.000đ, thu trước 2 ngày tiền góp là 5.000.000đ, trừ số tiền chị Nh còn nợ Tuấn A ở khoản vay thứ nhất 6.000.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Nh số tiền là 36.000.000đ, chị Nh đã trả được 22 ngày tương đương với 55.000.000 đồng, còn nợ lại 03 ngày với số tiền là 7.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 14.815.068 đồng.

- *Lần 3:* Vào ngày 22/02/2023, Tuấn A cho chị Nh vay 50.000.000đ, trả góp 2.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu tiền phí dịch vụ 4.500.000đ, thu trước lãi 02 ngày là 5.000.000.đ và trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ hai 7.500.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Nh số tiền là 33.000.000đ. Chị Nh đã trả góp cho Tuấn A được 22 ngày, tương đương số tiền 55.000.000đ. Hiện, chị Nh còn nợ Tuấn A 03 ngày với số tiền là 7.500.000đ. Số tiền đối tượng thu lợi bất chính là 14.897.260 đồng.

2. Chị Trần Thị Hoài Tr, sinh năm 1991, HKTT: KP8, Phường Bình Tân, La Gi, Bình Thuận; tạm trú tại: Hẻm 27 Lê Hồng Phong, Phường C, thành phố DL, LD vay 01 lần:

Ngày 24/5/2023, Tuấn A cho chị Tr vay 15.000.000đ trả góp 900.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 1.800.000đ và trừ phí dịch vụ 1.500.000đ. Sau khi trừ các khoản trên, số tiền thực tế Tuấn A đưa chị Tr là 11.700.000đ. Chị Tr đã trả được 19 ngày với số tiền là 17.100.000đ, còn nợ 02 ngày tương đương với số tiền là 1.800.000đ. Số tiền Nguyễn Tuấn A thu lợi bất chính là 4.872.407 đồng.

3. Chị Trần Thị Mai Ph, sinh năm 1987, trú tại: 16 Yersin, Phường K, thành phố DL, tỉnh LD) vay tiền của Tuấn A 04 lần, cụ thể:

- *Lần 1:* Ngày 28/03/2023, Tuấn A cho chị Ph vay 10.000.000đ, trả góp 600.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 1.200.000đ và trừ phí dịch vụ 1.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa chị Ph là 7.800.000đ. Chị Ph đã trả góp cho Tuấn A được 06 ngày, tương đương số tiền 3.600.000đ; chị Ph còn nợ Tuấn A 15 ngày với số tiền là 9.000.000đ. Chị Ph yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 2 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 2. Tại lần vay này chị Ph đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 12.600.000đ. Số tiền Nguyễn Tuấn A thu lợi bất chính là 3.484.932 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 02/04/2023, Tuấn A cho chị Ph vay 15.000.000đ, trả góp 900.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 1.800.000đ trừ phí dịch vụ 1.200.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ nhất là 9.000.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Ph số tiền là 3.000.000đ. Chị Ph đã trả góp cho Tuấn A 11 ngày, tương đương số tiền 9.900.000đ; chị Ph còn nợ Tuấn A 10 ngày với số tiền là 9.000.000đ. Chị Ph yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 3 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 3. Tại lần vay này chị Ph đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 18.900.000đ. Số tiền Nguyễn Tuấn A thu lợi bất chính là 4.927.397 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 12/04/2023, Tuấn A cho chị Ph vay 15.000.000đ, trả góp 900.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 1.800.000đ, trừ phí dịch vụ 1.300.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ hai là 9.000.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Ph số tiền là 2.900.000đ. Chị Ph đã trả góp cho Tuấn A được 11 ngày, tương đương số tiền 9.900.000đ; chị Ph còn nợ Tuấn A 10 ngày với số tiền là 9.000.000đ. Chị Ph yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 4 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần

vay thứ 4. Nên tại lần vay này chị Ph đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 18.900.000đ. Số tiền Nguyễn Tuấn A thu lợi bất chính là 5.027.397 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 22/04/2023, Tuấn A cho chị Ph vay 15.000.000đ, trả góp 900.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 1.800.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ ba là 9.000.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Ph số tiền là 2.700.000đ. Chị Ph đã trả góp cho Tuấn A được 08 ngày, tương đương số tiền là 7.200.000đ, còn nợ lại Tuấn A 13 ngày tương đương với số tiền là 11.700.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 2.919.961 đồng.

4. Chị Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1984, HKTT: Tổ 1, T H, thành phố DL, tỉnh LD vay 03 lần:

- *Lần 1:* Ngày 23/08/2023, Tuấn A cho chị Ng vay 100.000.000đ, trả góp 7.000.000đ/ngày trong thời gian 18 ngày, lãi suất 527%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 14.000.000đ, trừ phí dịch vụ số tiền là: 8.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa chị Ng là 78.000.000đ. Chị Ng đã trả góp cho Tuấn A được 12 ngày, tương đương số tiền 84.000.000đ; chị Ng còn nợ Tuấn A 04 ngày với số tiền là 28.000.000đ. Chị Ng có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 2 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 2. Nên tại lần vay này chị Ng đã đóng đủ tiền góp 18 ngày tương đương số tiền 126.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 33.013.699 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 05/09/2023, Tuấn A cho chị Ng vay 100.000.000đ, trả góp 7.000.000đ/ngày trong thời gian 18 ngày, lãi suất 527%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 14.000.000đ, trừ phí dịch vụ 8.000.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ nhất 28.000.000đ. Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Ng số tiền là 50.000.000đ. Chị Ng đã trả góp cho Tuấn A được 15 ngày tương đương số tiền 105.000.000đ, còn nợ Tuấn A 03 ngày với số tiền là 21.000.000đ. Chị Ng có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 3 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 3. Nên tại lần vay này chị Ng đã đóng đủ tiền góp 18 ngày tương đương số tiền 126.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 33.013.699 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 11/09/2023, Tuấn A cho chị Ng vay 50.000.000đ, trả góp 3.500.000đ/ngày trong thời gian 18 ngày, lãi suất 527%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 7.000.000đ (mỗi ngày 3.500.000đ), trừ phí dịch vụ 4.000.000đ, trừ 01 ngày số tiền còn nợ ở khoản vay thứ hai là 7.000.000đ (chị Ng còn nợ 03 ngày với số tiền tương đương 21.000.000đ ở khoản vay thứ 2). Sau khi trừ, Tuấn A đưa cho chị Ng số tiền là 18.000.000đ. Chị Ng đã trả góp cho Tuấn A được 09 ngày tương đương số tiền 31.500.000đ; chị Ng còn nợ Tuấn A 09 ngày với số tiền là 31.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 10.253.425 đồng.

5. Chị Nguyễn Trần Vi V, sinh năm 1974, HKTT: 23 Đường 3/4, Phường B, thành phố DL, LD vay tiền 03 lần:

- Lần 1: Ngày 08/12/2022, Tuấn A cho chị V vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị V là 25.500.000đ. Chị V đã trả góp cho Tuấn A được 10 ngày

tương đương số tiền là 15.000.000đ, chị V còn nợ Tuấn A 15 ngày với số tiền là 22.500.000đ. Chị V có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 2 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 2. Nên tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.589.041 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 17/12/2022, Tuấn A cho chị V vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian trả 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ, trừ số tiền còn nợ của khoản vay thứ nhất là 22.500.000đ. Sau khi trừ các khoản tiền nêu trên thì số tiền thực tế Tuấn A đưa chị V là 3.000.000đ. Chị V đã trả góp cho Tuấn A được 12 ngày tương ứng số tiền là 18.000.000đ, Chị V còn nợ Tuấn A 13 ngày với số tiền 19.500.000đ. Chị V có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 3 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 3. Nên tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.589.041 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 28/12/2022, Tuấn A cho chị V vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 421%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ, trừ số tiền còn nợ của khoản vay thứ hai là 19.500.000đ. Sau khi trừ các khoản tiền nêu trên thì số tiền thực tế Tuấn A đưa chị V là 6.000.000đ. Chị V đã trả góp cho Tuấn A được 14 ngày tương ứng số tiền 21.000.000đ, Chị V còn nợ Tuấn A 11 ngày với số tiền 16.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 5.469.863 đồng.

6. Chị Đỗ Ngọc Th Th, sinh năm 1993, HKTT: 142 Bis Trần Quang Khải, Phường H, thành phố DL, LD vay tiền 03 lần:

- *Lần 1:* Cuối tháng 07/2023, Tuấn A cho chị Th vay 20.000.000đ, trả góp 1.200.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 2.400.000đ, trừ phí dịch vụ 2.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Th là 15.600.000đ. Chị Th đã trả góp cho Tuấn A 21 ngày tương đương số tiền 25.200.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 6.969.863 đồng.

- *Lần 2:* Đầu tháng 08/2023, Tuấn A cho chị Th vay 20.000.000đ, trả góp 1.200.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 2.400.000đ, trừ phí dịch vụ 2.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Th là 15.600.000đ. Chị Th đã trả góp cho Tuấn A 21 ngày tương đương số tiền 25.200.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 6.969.863 đồng.

- *Lần 3:* Đầu tháng 15/08/2023, Tuấn A cho chị Th vay 20.000.000đ, trả góp 1.200.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 2.400.000đ, trừ phí dịch vụ 2.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Th là 15.600.000đ. Chị Th đã trả góp cho Tuấn A 02 ngày tương đương số tiền 2.400.000đ, còn nợ lại 19 ngày tương đương số tiền 22.800.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 2.473.320 đồng.

7. Chị Trương Thị Kh, sinh năm 1980, HKTT:15/7 đường 3/4, Phường B, thành phố DL, LD, vay 06 lần:

- *Lần 1:* Ngày 11/06/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 20.000.000đ, trả góp 1.000.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 2.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 17.000.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 16 ngày tương đương số tiền 16.000.000đ, còn nợ lại 09 ngày chưa đóng tương đương số tiền 9.000.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 2 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 2. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 25.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 5.726.027 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 25/06/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ nhất 9.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 16.500.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 18 ngày tương đương số tiền 27.000.000đ, còn nợ lại 07 ngày chưa đóng tương đương số tiền 10.500.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 3 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 3. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.589.041 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 09/07/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.500.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ hai 10.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 15.000.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 14 ngày tương đương số tiền 21.000.000đ, còn nợ lại 11 ngày chưa đóng tương đương số tiền 16.500.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 4 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 4. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.589.041 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 19/07/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.000.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ ba 16.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 9.500.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 14 ngày tương đương số tiền 21.000.000đ, còn nợ lại 11 ngày chưa đóng tương đương số tiền 16.500.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 5 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 5. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.089.041 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 29/07/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.000.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ tư 16.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 9.500.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 14 ngày tương đương số tiền 21.000.000đ, còn nợ lại 11 ngày chưa đóng tương đương số tiền 16.500.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 6 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần

vay thứ 6. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.500.000 đồng.

- *Lần 6:* Ngày 08/08/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.000.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ năm 16.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 9.500.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A 14 ngày tương đương số tiền 21.000.000đ, còn nợ lại 11 ngày chưa đóng tương đương số tiền 16.500.000đ. Chị Kh có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 7 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 7. Tại lần vay này chị V đã đóng đủ tiền góp 25 ngày tương đương số tiền 37.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 8.089.041 đồng.

- *Lần 7:* Ngày 19/08/2023, Tuấn A cho chị Kh vay 30.000.000đ, trả góp 1.500.000đ/ngày trong thời gian 25 ngày, lãi suất 365%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 3.000.000đ, trừ phí dịch vụ 1.000.000đ, trừ số tiền còn nợ trong khoản vay lần thứ sáu 16.500.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho chị Kh là 9.500.000đ. Chị Kh đã trả góp cho Tuấn A được 04 ngày tương đương 6.000.000 đồng, còn nợ lại 21 ngày tương đương 31.500.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 2.134.247 đồng.

8. Bà Trần Thị Yến H, sinh năm 1959, HKTT: Lạc Bình, Lạc Xuân, DD, LD vay tiền 05 lần:

- *Lần 1:* Ngày 09/08/2023, Tuấn A cho bà H vay 50.000.000đ, trả góp 3.000.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 6.000.000đ, trừ phí dịch vụ 4.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho bà H là 40.000.000đ. Bà H đã trả góp cho Tuấn A 06 ngày tương đương số tiền 18.000.000đ. Bà H còn nợ Tuấn A 15 ngày tương đương số tiền 45.000.000đ. Bà H có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 2 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 2. Nên tại lần vay này bà H đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 63.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 17.000.000 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 14/08/2023, Tuấn A cho bà H vay 100.000.000đ, trả góp 6.000.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 12.000.000đ, trừ phí dịch vụ 8.000.000đ. Trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ nhất là 45.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho bà H là 35.000.000đ. Bà H đã trả góp cho Tuấn A 06 ngày tương đương số tiền 36.000.000đ. Bà H còn nợ Tuấn A 15 ngày tương đương số tiền 90.000.000đ. Bà H có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 3 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 3. Nên tại lần vay này bà H đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 126.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 32.849.315 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 19/08/2023, Tuấn A cho bà H vay 150.000.000đ, trả góp 9.000.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 18.000.000đ, trừ phí dịch vụ 11.000.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ hai là 90.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho bà H là 31.000.000đ. Bà H đã trả góp cho Tuấn A 10 ngày tương đương số tiền 90.000.000đ.

Bà H còn nợ Tuấn A 11 ngày tương đương số tiền 99.000.000đ. Bà H có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 4 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 4. Nên tại lần vay này bà H đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 189.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 48.273.973 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 28/08/2023, Tuấn A cho bà H vay 150.000.000đ, trả góp 9.000.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 18.000.000đ, trừ phí dịch vụ 12.000.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ ba là 99.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho bà H là 21.000.000đ. Cô H đã trả góp cho Tuấn A 07 ngày tương đương số tiền 63.000.000đ. Bà H còn nợ Tuấn A 14 ngày tương đương số tiền 126.000.000đ. Bà H có yêu cầu Tuấn A cho vay lần thứ 5 nên số tiền còn nợ tại lần vay này được Tuấn A trừ vào lần vay thứ 5. Nên tại lần vay này bà H đã đóng đủ tiền góp 21 ngày tương đương số tiền 189.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 48.273.973 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 03/09/2023, Tuấn A cho bà H vay 200.000.000đ, trả góp 12.000.000đ/ngày trong thời gian 21 ngày, lãi suất 452%/năm. Tuấn A thu trước tiền góp ngày đầu, ngày cuối là 24.000.000đ, trừ phí dịch vụ 15.000.000đ, trừ số tiền còn nợ ở khoản vay thứ tư là 126.000.000đ. Số tiền thực tế Tuấn A đưa cho bà H là 35.000.000đ. Bà H đã trả góp cho Tuấn A 08 ngày tương đương số tiền 96.000.000đ. Bà H còn nợ Tuấn A 13 ngày tương đương số tiền 156.000.000đ. Số tiền Tuấn A thu lợi bất chính là 33.932.811 đồng.

* *Tang vật tạm giữ*

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím, số máy: MQ9T3VN/A, số sê ri: KC42647RJK (đã qua sử dụng).

- 01 thẻ căn cước công dân số 03509600220 mang tên Nguyễn Tuấn A. (BL 48-50, 71,72)

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố DL truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn A khai nhận, để thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền, từ tháng 12/2022 đến tháng 9/2023, tại địa bàn thành phố DL, Tuấn A đã sử dụng số tiền 1.440.000.000đ cho 8 người vay nhiều lần, trong đó thu lợi bất chính số tiền 403.302.606 đồng để sử dụng cá nhân như cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác; bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì đối với cáo trạng truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Sau phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 09 *(chín)* đến 12 *(mười hai)* tháng.

Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu đối với số tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 403.302.606 đồng thu lợi bất chính để sung công Nhà nước.

+ Truy thu số tiền 1.440.000.000 đồng dùng để cho vay nặng lãi của bị cáo Tuấn A để sung Ng sách Nhà nước.

+ Truy thu số tiền 13.8267.397 đồng lãi hợp pháp để sung quỹ Nhà nước.

+ Truy thu số tiền 279.300.000 đồng nợ gốc mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo Trần Tuấn A để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu bán sung Ng sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím của bị cáo Tuấn A. Trả cho bị cáo 01 thẻ căn cước công dân số 03509600220 mang tên Nguyễn Tuấn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố DL, tỉnh LD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố DL, tỉnh LD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tuấn A:* Để thu lợi từ việc cho vay nặng lãi, từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023, tại địa bàn thành phố DL, Tuấn A đã sử dụng số tiền 1.440.000.000đ *(một tỉ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)* cho 8 người vay nhiều lần, với lãi suất từ 30%/tháng đến 40%/tháng (tương đương 360%/năm tới 480%/năm), vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự hiện hành và thu lợi bất chính với số tiền 403.302.606đ *(bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn sáu trănm lẽ sáu đồng).*

[3] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Tuấn A là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc thường xuyên cho người khác vay tiền lấy lãi suất quá cao so với quy định của Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cho nhu cầu thu nhập bất chính của cá nhân bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của Nguyễn Tuấn A không chỉ gây thiệt hại cho lợi ích của người vay, xâm phạm vào quy định của Nhà nước về hoạt động tín dụng mà còn là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm tội khác, gây mất an toàn, trật tự xã hội tại địa Ph. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Nguyễn Tuấn A phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 16/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố DL, tỉnh LD truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năng hối lỗi về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả,

nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Nguyễn Tuấn A cho nhiều người vay nhiều lần và nhiều lần thu lợi bất chính trên 30.000.000đ/1 lần *(ba mươi triệu đồng/1 lần)* nên phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Quá trình điều tra xác định ngoài 08 người vay tiền đã làm rõ, Nguyễn Tuấn A còn cho 07 người khác vay tiền, cụ thể như sau: Anh Đinh Quang Đảo, bà Nguyễn Thị Tuyết, bà Văn Thị Minh Th, bà Nguyễn Thị Châu, bà Vũ Thị Hằng, bà Đỗ Thị Quỳnh Như, bà Cil Múp K'Nên. Cơ quan CSĐT Công an thành phố DL đã tiến hành xác minh nhưng những người trên không có mặt tại địa Ph nên chưa có căn cứ để xác định làm việc với những người này.

Ngoài ra, Nguyễn Tuấn A khai nhận còn cho những người có thông tin như sau: H ở đường Nguyễn Văn Trỗi; Hoa ở huyện DD; Nguyệt, Mai ở Đức Trọng; TH ở đường Phù Đổng Thiên Vương; Ánh và Tuyền ở Đức Trọng; Loan, vay tiền. Tuy nhiên, Nguyễn Tuấn A không nhớ nhân thân lai lịch nên không có đủ căn cứ để xác minh đối với những người này.

[7] *Về biện pháp tư pháp:*

[7.1] Đối với số tiền 403.302.606đ *(bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng)* thu lợi bất chính, quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định việc vay mượn tiền của Trần Tuấn A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên không có yêu cầu gì đối với khoản tiền này. Vì vậy, cần truy thu số tiền này đối với bị cáo để sung Ng sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền 1.440.000.000đ *(một tỉ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)* và số tiền lãi bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng, cùng số tiền lãi 13.827.397đ *(mười ba triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng)* lãi theo quy định là Ph tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên truy thu sung Ng sách Nhà nước.

[7.3] Đối với số tiền gốc 279.300.000 đồng, những người có nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Trần Tuấn A nên cần truy thu để sung Ng sách Nhà nước là phù hợp.

[9] *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím của bị cáo Tuấn A, là Ph tiện bị cáo dùng để trao đổi chuyển khoản trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu bán sung Ng sách Nhà nước. Đối với 01 thẻ căn cước công dân số 03509600220 mang tên Nguyễn Tuấn A, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án.

[10] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".*

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 *(chín)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2023.

2. *Về biện pháp tư pháp:*

2.1. Truy thu số tiền Nguyễn Tuấn A sử dụng để cho vay, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc 1.440.000.000đ *(một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng)* để sung Ng sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* theo biên lai nội tiền số 0000158 ngày 08/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố DL.

2.2. Truy thu số tiền lãi thu lợi bất chính, buộc Nguyễn Tuấn A phải nộp lại số tiền 403.302.606đ *(bốn trăm lẻ ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng)* để sung Ng sách Nhà nước.

2.3. Truy thu số tiền lãi đã nhận theo quy định, buộc Nguyễn Tuấn A phải nộp lại số tiền 13.827.397đ *(mười ba triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng)* để sung Ng sách Nhà nước.

2.4. Truy thu số tiền 279.300.000đ *(hai trăm bảy mươi chín triệu ba trăm đồng)* nợ gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả cho Trần Tuấn A để sung Ng sách Nhà nước, cụ thể:

2.4.1. Buộc chị Phạm Hồng Nh nộp lại số tiền 7.500.000đ *(bảy triệu năm trăm ngàn đồng);*

2.4.2. Buộc chị Trần Thị Hoài Tr nộp lại số tiền 1.800.000đ *(một triệu tám trăm ngàn đồng);*

2.4.3. Buộc chị Trần Thị Mai Ph nội lại số tiền 11.700.000đ *(mười một triệu bảy trăm ngàn đồng);*

2.4.4. Buộc chị Nguyễn Trần Vi V nộp lại số tiền 16.500.000đ *(mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng);*

2.4.5. Buộc chị Huỳnh Thị Kim Ng nộp lại số tiền 31.500.000đ *(ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng);*

2.4.6. Buộc chị Đỗ Ngọc Th Th nộp lại số tiền 22.800.000đ *(hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng);*

2.4.7. Buộc chị Trương Thị Kh nộp lại số tiền 31.500.000đ *(ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng);*

2.4.8. Buộc bà Trần Thị Yến H nộp lại số tiền 156.000.000đ *(một trăm năm mươi sáu triệu đồng)*

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu bán sung Ng sách Nhà nước 01 *(một)* điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím của bị cáo Nguyễn Tuấn A;

3.2. Trả cho bị cáo 01 thẻ căn cước công dân số 03509600220 mang tên Nguyễn Tuấn A,

(Theo biên bản giao, nhận tang vật ngày 18/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố DL và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố DL).

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LD (02);
- Sở Tư pháp tỉnh LD;
- VKSND tp. DL;
- Công an tp. DL;
- Chi cục THADS tp. DL;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Huyền